

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày 06-03-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Cao Tản

Ông Nguyễn Hữu Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trâm và bà Trần Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/9/1992; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; ĐKTT và chỗ ở: số D T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi bị bắt: Phó Giám đốc Công ty TNHH D9; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1952; Con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1958 (đã chết); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1990; Con: Nguyễn Hạ An N, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Đức T bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh N.

2. Họ và tên: Vũ Văn G, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; ĐKTT: Số H T, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi ở: số F T, phường T (nay là phường C) thành phố N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi bị bắt: Phó giám đốc Trung tâm Đ5; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Vũ Văn D, sinh năm 1962 (đã chết); Con bà: Lê Thị N1, sinh năm 1961; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Phạm Thị T1, sinh năm 1987. Có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; Vũ Văn G là Đảng viên Đ6 đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 93-QĐ/UBKTTU ngày 15/5/2024 của Ủy ban kiểm tra T24, tỉnh Nam Định; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Vũ Văn G bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh N.

3. Họ và tên: Phạm Thị K, sinh năm 1984; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; ĐKTT: P606, A2D3, tổ D, KĐT Đ, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số A V, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi bị bắt: Nhân viên bán hàng của Công ty TNHH X; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phạm Hồng Đ, sinh năm 1954; Con bà: Đỗ Thị D1, sinh năm 1954; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: Nguyễn V, sinh năm 1984; Con: Nguyễn V1, sinh năm 2012, Nguyễn Đức P, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Phạm Thị K bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh N.

4. Họ và tên: Tô Xuân H, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; ĐKTT: Số C, tổ H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi bị bắt: Đảng kiểm viên Trung tâm Đ7; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Tô Hữu Y, sinh năm 1958; Con bà: Hoàng Thị V2, sinh năm 1958; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Mai Thị Kim H1, sinh năm 1985; Có 3 con: con lớn 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Tô Xuân H bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2023. Ngày 27/10/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Ngày 31/01/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn V3; Địa chỉ: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
2. Ông Nguyễn Văn K1; Địa chỉ: Thôn N, Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

** Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Xuân T2,
2. Anh Mai Đức T3,

3. Anh Nghiêm Văn C,
4. Anh Vũ Hồng Q1,
5. A Nguyễn Minh T4,
6. Anh Nguyễn Tuấn C1,
7. A Nguyễn Văn H2,
8. A Nguyễn Phương N2,
9. A Nguyễn Thái D2,
10. A Phạm Đức L1,
11. A Trần Ngọc A,
12. A Nguyễn Anh H3,
13. A Phạm Văn H4,
14. A Mã Minh T5,
15. A Hoàng Kim C2,
16. Anh Trần Thế H5,
17. Anh Vũ Văn A1,
18. Anh Vũ Ngọc D3,
19. Anh Đ,
20. Anh Vương Khắc T6,
21. A Hoàng Thị T7,
22. Anh Nguyễn Ngọc L2,
23. Anh Trần Trọng T8,
24. Anh Trần Huy K2,
25. Anh Vũ Thanh T9,
26. Anh Cù Văn C3,
27. A Nguyễn Văn L3 (Phùng Văn H6),
28. Anh Phùng Văn H7,
29. Anh Phạm Văn H8,
30. Anh Nguyễn Văn K1,
31. Công ty TNHH Đ8,
32. Anh Nguyễn Văn H9,
33. Anh Nguyễn Văn T10 (Nguyễn Xuân T11),
34. Anh Đỗ Tiến T12,
35. Anh Phạm Quang D4,
36. Công ty TNHH Q6,

37. A Nguyễn Văn Q2,
38. Anh Phạm Ngọc K3,
39. A Bùi Văn L4 (Đoàn Văn Đ1),
40. Anh Phạm Ngọc K4,
41. Anh Triệu Văn T13,
42. A Đặng Thị O (Đ),
43. Anh Đỗ Viết B1,
44. Anh Phạm Văn T14,
45. Anh Đặng Văn N3,
46. Anh Vũ Viết T15,
47. A Nguyễn Văn H10,
48. Anh Nguyễn Hải N4,
49. A Phùng Gia L5,
50. A Nguyễn Quý Q3,
51. A Đoàn Ngọc T16,
52. A Đặng Văn Đ2,
53. A Trần Văn Đ3,
54. A Đặng Xuân H11,
55. Anh Trần Hữu C4,
56. Anh Trần Văn D5,
57. Anh Đào Việt D6,
58. Anh Phí H,
59. Anh Trần Đức C5,
60. Anh Trần Văn V3,
61. Chị Phạm Thị L6 (Trần Văn H12),
62. Anh Ngô Văn S,
63. Anh Nguyễn Đức C6,
64. A Nguyễn Văn C7
65. Chị Cù Thị T17 (Trịnh Văn Q4),
66. Anh Trần Ngọc T18,
67. Anh Vũ Văn T19,
68. Chị Vũ Thị H13,
69. Anh Phạm Thanh S1,
70. Công ty TNHH K6,

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Nguyệt H14.

71. Anh Trần Văn H15,

72. Anh Trần Đình T20,

73. Anh Trần Duy K5,

74. 77- Anh Đình Tiến D7,

75. A Lê Hoàng H16,

76. Anh Trần Duy P1,

77. Anh Đỗ Văn Q5,

78. Anh Trần Ngọc L7,

79. Công ty CP T25,

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T21.

80. Công ty CP V5,

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Tiến N5.

Tại phiên tòa các bị cáo có mặt, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Hành vi đưa hối lộ của Nguyễn Đức T cho các Đăng kiểm viên thuộc Cục Đ9:

Công ty TNHH D9 (sau đây viết tắt là Công ty D9) đăng ký thành lập ngày 24/02/2021, trụ sở tại số A, ngõ A đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, ngành nghề kinh doanh chính là thiết kế, thi công xe cơ giới cải tạo. Người đại diện pháp luật của công ty là Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1990, trú tại số D T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội - Chức vụ: Giám đốc. Từ khi thành lập đến nay, Công ty D9 chỉ kinh doanh dịch vụ thiết kế cải tạo xe cơ giới, ngoài ra không hoạt động, sản xuất kinh doanh gì khác. Trên thực tế, L chỉ đứng tên trên danh nghĩa người đại diện pháp luật mà không tham gia điều hành bất cứ hoạt động gì của công ty. Mọi hoạt động của Công ty D9 đều do chồng của L là Nguyễn Đức T - chức vụ: Phó Giám đốc công ty điều hành. Từ tháng 2/2021 đến hết tháng 5/2021, T thuê Nguyễn Bá T22, sinh năm 1998, trú tại số B, ngõ A Q, phường L, quận H, thành phố Hà Nội làm nhân viên nhưng không ký hợp đồng lao động, T22 có nhiệm vụ vẽ thiết kế cải tạo xe cơ giới. Từ tháng 6/2021 trở đi, Công ty D9 hoạt động chỉ có một mình T.

Bản thân Thiện có chuyên môn và đã hoạt động thiết kế cải tạo xe cơ giới từ năm 2014 nên nắm rõ các quy định về cải tạo xe cơ giới đường bộ tại Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ G2 gồm các bước: Bước 1: Chủ phương tiện thuê đơn vị lập hồ sơ thiết kế cải tạo gồm: Bản vẽ kỹ thuật, thuyết minh bản vẽ kỹ thuật; Bước 2: Sở giao thông vận tải hoặc Cục Đ9 thẩm định thiết kế, nếu đạt thì phê duyệt thiết kế và cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo; Bước 3: Mang phương tiện đến cơ sở thi công được cấp phép để thi công theo thiết kế đã được thẩm định, sau khi thi công xong thì cơ sở cải tạo lập Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo và có Văn bản đề nghị nghiệm thu; Bước 4: Mang phương tiện đi nghiệm thu tại Cục Đ9 hoặc đơn vị đăng kiểm xe cơ giới. Quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty D9, T được các chủ phương tiện hoặc các đối tượng trung gian là người tại các gara ô tô, đăng kiểm viên, đối tượng tại các tỉnh thành trên cả nước liên hệ, thoả thuận thiết kế cải tạo xe cơ giới, thống nhất cụ thể giá cả theo nội dung cải tạo, việc nghiệm thu xe cải tạo và họ thanh toán cho T bằng cách thức chuyển khoản ngân hàng. Khi đó, T sẽ yêu cầu gửi ảnh chụp hiện trạng xe, ảnh chụp đăng ký, đăng kiểm xe trước cải tạo để T vẽ thiết kế cải tạo cho phù hợp. Việc các đối tượng môi giới thoả thuận nhận của chủ phương tiện bao nhiêu tiền để hoàn thiện hồ sơ thiết kế cải tạo thì T không biết còn thông thường T thu từ 4,5 triệu đồng đến 5 triệu đồng/1 hồ sơ do Cục Đ9 thẩm định, 1 triệu đồng/1 hồ sơ do Sở Giao thông vận tải thẩm định (chưa bao gồm phí thẩm định). Khi hoàn thiện hồ sơ thiết kế cải tạo, trong thời gian T22 còn làm tại Công ty D9, một vài lần T giao cho T22 đi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định tại Cục Đ9, còn lại đều do T trực tiếp mang hồ sơ đi nộp và nhận kết quả thẩm định tại Cục Đ9. T22 không biết việc T đưa hối lộ cho các Đăng kiểm viên Cục Đ9.

Theo quy định phí thẩm định đối với 1 hồ sơ thiết kế cải tạo được thẩm định đạt, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo tại Cục Đ9 là 350.000 đồng/1 hồ sơ. Khi nộp hồ sơ thiết kế để thẩm định, T thường bị các Đăng kiểm viên Phòng Var thuộc Cục Đ9 thông báo các lỗi hoặc gây khó khăn trong quá trình thẩm định. Vì vậy, T đã thoả thuận với các Đăng kiểm viên là mỗi hồ sơ thẩm định đạt T sẽ đưa tiền hối lộ cho Đăng kiểm viên thẩm định hồ sơ để được bỏ qua các lỗi sai trên hồ sơ thiết kế xe cải tạo của Công ty D9 như: Trên các Thuyết minh bản vẽ thiết kế xe cơ giới cải tạo thiếu, không mô tả kích thước vị trí các bu lông liên kết, kích thước bản lề, thành thùng xe tải, các lỗi chính tả

trong Thuyết minh... hoặc để Đăng kiểm viên không gây khó khăn trong quá trình thẩm định hồ sơ thiết kế. Số tiền đưa hồi lộ được T trích ra từ số tiền T đã thu của các chủ phương tiện. Việc đưa tiền hồi lộ cho các Đăng kiểm viên, T trực tiếp thực hiện.

Hàng tháng, T tự theo dõi và thống kê số hồ sơ thiết kế được thẩm định đạt để tính toán số tiền đưa hồi lộ cho các Đăng kiểm viên. Trong khoảng thời gian từ ngày 1 đến ngày 15 hàng tháng, T căn cứ vào chữ ký nháy của Đăng kiểm viên đã thẩm định hồ sơ đạt trên Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo, T sẽ thống kê, ghi ra giấy số hồ sơ thẩm định đạt tháng trước theo tên từng Đăng kiểm viên, mỗi Đăng kiểm viên T ghi ra 1 tờ giấy. T tính toán số tiền hồi lộ bằng cách lấy số tiền hồi lộ cho 1 hồ sơ thẩm định đạt theo từng giai đoạn nhân với số hồ sơ thẩm định đạt tháng trước rồi bỏ tiền hồi lộ cho từng Đăng kiểm viên kèm theo tờ giấy ghi số hồ sơ thẩm định đạt của người này vào 1 phong bì riêng dán kín, bên ngoài ghi tên Đăng kiểm V4 nhận. Sau đó, T trực tiếp đưa hồi lộ cho các Đăng kiểm viên tại Cục Đ9. Khi đến nơi, T liên hệ qua điện thoại cho 1 Đăng kiểm viên xuống nhận cho tất cả các Đăng kiểm viên khác tại khu vực chân cầu thang máy, gần bộ phận một cửa của Cục Đ9, địa chỉ số A P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Quá trình điều tra xác định T đưa tiền hồi lộ cho các Đăng kiểm viên Cục Đ9 theo từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn từ ngày 01/3/2021 đến ngày 31/7/2021 số tiền đưa hồi lộ là 2 triệu đồng cho 1 hồ sơ thẩm định đạt.
- Giai đoạn từ ngày 01/8/2021 đến ngày 30/9/2022 số tiền đưa hồi lộ là 2,5 triệu đồng cho 1 hồ sơ thẩm định đạt.
- Giai đoạn từ ngày 01/10/2022 đến hết năm 2022, các Đăng kiểm viên từ chối nhận tiền hồi lộ do thời điểm này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đang tiến hành điều tra về sai phạm xảy ra tại Cục Đ9 nên 347 hồ sơ thiết kế của Công ty D9 được thẩm định đạt trong giai đoạn này, T không đưa tiền hồi lộ.

Theo đó, từ tháng 2/2021 đến ngày 30/9/2022, T đã đưa tiền hồi lộ cho 12 Đăng kiểm viên Phòng Var thuộc Cục Đ9 tổng số tiền **1.803.000.000 đồng/ 749** hồ sơ thiết kế thẩm định đạt của Công ty D9 để được cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Cụ thể như sau:

STT	Tên Đăng kiểm viên	Số tiền Thiệu đưa hồi lộ cho hồ sơ thiết kế thẩm
-----	--------------------	--

	nhận hối lộ	định đạt của Công ty Hạ An
1	Hoàng Xuân Thảo	80.500.000 đồng/33 hồ sơ thẩm định đạt
2	Mai Đức Truyền	119.000.000 đồng/49 hồ sơ thẩm định đạt
3	Nghiêm Văn Cường	139.500.000 đồng/58 hồ sơ thẩm định đạt
4	Vũ Hồng Quang	157.000.000 đồng/65 hồ sơ thẩm định đạt
5	Nguyễn Minh Tuấn	136.000.000 đồng/57 hồ sơ thẩm định đạt
6	Nguyễn Tuấn Châu	153.500.000 đồng/64 hồ sơ thẩm định đạt
7	Nguyễn Văn Huy	147.000.000 đồng/62 hồ sơ thẩm định đạt
8	Nguyễn Phương Nam	182.000.000 đồng/75 hồ sơ thẩm định đạt
9	Nguyễn Thái Dương	118.500.000 đồng/50 hồ sơ thẩm định đạt
10	Phạm Đức Long	208.500.000 đồng/87 hồ sơ thẩm định đạt
11	Trần Ngọc Anh	203.500.000 đồng/83 hồ sơ thẩm định đạt
12	Nguyễn Anh Hiệp	158.000.000 đồng/66 hồ sơ thẩm định đạt
TỔNG CỘNG:		1.803.000.000 đồng/749 hồ sơ thẩm định đạt

Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc, ghi lời khai của các Đăng kiểm viên Phòng VAR thuộc Cục Đ9, hiện đang là bị cáo trong vụ án “*Nhận hối lộ*” do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố. Hồ Chí Minh khởi tố, điều tra, hoàn toàn phù hợp với lời khai của Nguyễn Đức T.

II. Hành vi nhận hối lộ của Vũ Văn G:

Trung tâm đăng kiểm 18-05D được thành lập ngày 31/5/2022 trực thuộc Công ty CP Đ10 có trụ sở tại thửa số 350 tờ bản đồ số 5 Đ, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định do ông Hoàng Ngọc C8 SN 1971, trú tại 5 Điện biên, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định là người đại diện theo pháp luật. Trung tâm được thiết kế hoạt động 1 dây chuyền kiểm định và bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 8/6/2022. Trung tâm A2 có 4 Đăng kiểm viên: Hoàng Ngọc C8 - Giám đốc; Vũ Văn G - Phó Giám đốc; Trần Xuân T23 sinh năm 1990, trú tại B T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định - Phó Giám đốc; Tống Đức Hoàng D8 sinh năm 1995, trú tại G M, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định – Đăng kiểm viên; 2 nhân viên nghiệp vụ là Trần Thị H17 sinh năm 1990, trú tại số G ngách B đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; Hoàng Thị Minh H18, sinh năm 1974, trú tại 1 Điện Biên, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định cùng 2 nhân viên hành chính.

Từ tháng 7/2022 với vai trò Phó Giám đốc, Đăng kiểm viên bậc cao tại Trung tâm đăng kiểm 18-05D, G được giao nhiệm vụ phụ trách hoạt động

nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo. G đã nhận tiền trực tiếp của các chủ các phương tiện hoặc thông qua các đối tượng môi giới dao động từ 6 triệu đồng đến 19 triệu đồng/1 phương tiện tùy theo nội dung cải tạo và yêu cầu của chủ phương tiện thực hiện công đoạn từ nghiệm thu cho đến kiểm định, đóng phí đường bộ, đổi đăng ký xe và lắp giám sát, camera hành trình, phù hiệu đối với các xe kinh doanh vận tải. G nhận tiền bằng hình thức nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản đến số tài khoản 10786583698 hoặc số tài khoản 101004252488 ngân hàng V6 của G. Thông thường, G thu tiền của các chủ phương tiện hoặc qua các đối tượng môi giới như sau:

- Đối với cải tạo xe khách thay đổi ghế ngồi, giường nằm..., xe khách thành xe tải van, xe tang lễ... G thu 6 triệu đồng/1 phương tiện.
- Đối với cải tạo xe tải thành xe chở pallet chứa gỗ, xe chở xe máy, gia súc... G thu từ 8 triệu đồng đến 9 triệu đồng/1 phương tiện.
- Đối với cải tạo xe tải thành xe có cần cẩu G thu khoảng 11 triệu đồng/1 phương tiện bao gồm cả phí kiểm định cầu.
- Đối với cải tạo các phương tiện chuyên dùng như xe kéo thành xe tải có cần cẩu thì phương tiện phải cải tạo 2 lần (1 lần do Cục Đ9 nghiệm thu, lưu hồ sơ tại Cục; 1 lần do Trung tâm Đ5) G thu khoảng 19 triệu đồng/1 phương tiện.
- Xe do Sở Giao thông vận tải tỉnh N thẩm định thiết kế G thu 6 triệu đồng/1 phương tiện.
- Một số xe ở các tỉnh, thành lân cận như tỉnh Thái Bình, Hà Nam để thu hút khách về Trung tâm đăng kiểm 18-05D, G thu 6 triệu đồng/1 phương tiện.
- Trường hợp chủ phương tiện có nhu cầu nhờ nộp hộ phí đường bộ, đổi đăng ký và lắp giám sát hành trình, camera hành trình, phù hiệu đối với các xe kinh doanh vận tải thì G thu thêm tiền, trọn gói kèm theo tiền hồ sơ, nghiệm thu, kiểm định.

Sau khi nhận tiền của các chủ phương tiện hoặc qua các đối tượng môi giới, Vũ Văn G sẽ liên hệ, thỏa thuận với công ty D9 của Nguyễn Đức T để thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới. Sau đó G trích một phần tiền trong số tiền đã nhận từ các chủ phương tiện hoặc qua các đối tượng môi giới để nộp tiền chi phí nghiệm thu, chi phí kiểm định xe theo quy định của nhà nước.

Việc nhận tiền hối lộ của Vũ Văn G cụ thể như sau:

Từ tháng 6/2022 đến hết năm 2022, Vũ Văn G đã nhận tiền từ 73 chủ phương tiện xe cơ giới cải tạo hoặc các đối tượng trung gian môi giới trong đó

của Phạm Thị K 11 hồ sơ với số tiền 105.230.000đ với tổng số tiền 630.724.365đ bằng chuyển khoản hoặc nhận tiền mặt. Sau đó G thuê Nguyễn Đức T – phó Giám đốc Công ty D9 hoàn thiện 73 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo của công ty D9 để nghiệm thu, đăng kiểm tại Trung tâm A2 với chi phí là 337.511.273đ; G nộp phí nghiệm thu hết 49.474.541đ, phí kiểm định hết 17.842.542đ, chi phí khác là 111.944.273 đ (phí giám sát hành trình, kiểm định cầu, đổi đăng ký, phí đường bộ, thuế sang tên đổi chủ, cam hành trình, đổi đăng ký thuế, bảo hiểm TNDS) còn lại G chiếm hưởng số tiền **113.951.736 đồng** cụ thể như sau:

STT	BKS	Chủ xe	Nội dung cải tạo	Hình thức nhận hồi lộ	Số tiền nhận của chủ xe (VNĐ)	Số tiền chuyển Thiện làm hồ sơ (VNĐ)	Phí nghiệm thu (VNĐ)	Phí kiểm định (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Giang hưởng lợi (VNĐ)
1	17B-00388	Phạm Văn Hà, Vũ Tiến, Vũ Thư, Thái Bình	Ô tô khách thành ô tô tải van	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	599.818			900.182
2	14B-00841	Mã Minh Tú, Khu 1, TT Hà Trung, Hạ Long, Quảng Ninh	Ô tô khách tháo 34 ghế xuống 29 ghế	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	589.818	354.182		556.000
3	90C-10347	Hoàng Kim Cương, Tiên Tân, Phù Lý, Hà Nam	Ô tô tải thùng kín thành ô tô tải chở pallet chứa cầu kiện điện tử	Cương ck 5 triệu ngày 14/6, ck 3,8 triệu ngày 4/7	8.800.000	4.500.000	599.818		- 1.200.000 giám sát hành trình - 1.300.000 phù hiệu	1.200.182
4	18H-00910	Trần Thế Hoàng, xóm 12 Hải Long, Hải Hậu, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Kim ck 5 triệu ngày 27/6, ck 3 triệu ngày 4/7	8.000.000	4.500.000	599.818	393.636		2.506.546
5	17H-00936	Vũ Văn Anh, Nam Thanh, Tiên Hải, Thái Bình	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Văn Anh ck 3 triệu ngày 6/6, tiền mặt 3 triệu	6.000.000	4.500.000	599.818	393.636		506.546
6	17H-00952	Vũ Ngọc Duân, Vũ Hội, Vũ Thư, Thái Bình	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Duân ck 4,5 triệu ngày 26/6, tiền mặt 1,5 triệu	6.000.000	4.500.000	599.818	393.636		506.546
7	51B-22104 (11B-00487)	Đồng Khương Duy, Tổ 7, Tân Giang, thành phố Cao Bằng	Ô tô khách ghế ngồi thành ô tô khách giường nằm	Sỹ ck 9,6 triệu ngày 25/7	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
8	29C-64281	Vương Khắc Thành, Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	Ô tô tải có cần cầu thành ô tô tải có cần cầu	tiền mặt	8.000.000	4.500.000	599.818	364.182	1.500.000 kiểm định cầu	1.036.000
9	29B-13439	Hoàng Thị Thanh, Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Ô tô khách ghế ngồi thành ô tô khách giường nằm	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	599.818	324.909		575.273

STT	BKS	Chủ xe	Nội dung cải tạo	Hình thức nhận hồi lộ	Số tiền nhận của chủ xe (VNĐ)	Số tiền chuyển Thiện làm hồ sơ (VNĐ)	Phí thử nghiệm thu (VNĐ)	Phí kiểm định (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Giang hưởng lợi (VNĐ)
10	17H-00991	Nguyễn Ngọc Lý, Tân Lập, Vũ Thư, Thái Bình	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Lý ck 5 triệu ngày 30/6, tiền mặt 1 triệu	6.000.000	4.500.000	599.818	393.636		506.546
11	18C-12374	Trần Trọng Tùng, 60 Trần Văn Ôn, Mỹ Xá, thành phố Nam Định	Ô tô kéo xe thành ô tô tải có cần cầu	Tùng ck 50,5 triệu "tra tiền hoàn cai xe IUU Giang" ngày 3/8. Tùng lấy lại 20 triệu tiền mặt	30.500.000	20.700.000	1.179.636		7.000.000 đổi đăng ký	1.620.364
12	18C-12374	Trần Trọng Tùng, 60 Trần Văn Ôn, Mỹ Xá, thành phố Nam Định	Ô tô tải có cần cầu thành ô tô tải có cần cầu	Tùng ck 50,5 triệu "tra tiền hoàn cai xe IUU Giang" ngày 3/8. Tùng lấy lại 20 triệu tiền mặt						0
13	18H-00911	Trần Huy Kỳ, 121 Túc Mạc, Lộc Vương, thành phố Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Kim ck 5 triệu ngày 6/7, ck 3,5 triệu ngày 31/10	8.500.000	4.500.000	1.179.637	393.455		2.426.908
14	17H-00664	Vũ Thanh Tuyền, Vũ Hội, Vũ Thư, Thái Bình	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Vũ Công Hoan ck 4 triệu ngày 9/7, tiền mặt 2 triệu	6.000.000	4.500.000	589.818	383.636		526.546
15	90C-06197	Cù Văn Cường, An Nội, Bình Lục, Hà Nam	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở gia súc có thiết bị nâng hạ	tiền mặt	5.300.000	4.500.000	599.818			200.182
16	90C-12458	Nguyễn Văn Long (Phùng Văn Hải), An Ninh, Bình Lục, Hà Nam	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở gia súc có thiết bị nâng hạ	tiền mặt	5.300.000	4.500.000	599.818			200.182
17	18H-02031 (18C-07087)	Phùng Văn Hào, Giao Hà, Giao Thủy, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	tiền mặt	8.000.000	4.500.000	599.818	364.182	- 1.200.000 giám sát hành trình	1.336.000
18	18H-00903	Phạm Văn Huy, Đề Thám, Trục Cường, Trục Ninh, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Kim ck 5 triệu ngày 27/7, tiền mặt 3,5 triệu	8.500.000	4.500.000	1.199.637	383.636		2.416.727

STT	BKS	Chủ xe	Nội dung cải tạo	Hình thức nhận hồi lộ	Số tiền nhận của chủ xe (VNĐ)	Số tiền chuyển Thiện làm hồ sơ (VNĐ)	Phí nghiệm thu (VNĐ)	Phí kiểm định (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Giang hưởng lợi (VNĐ)
19	18H-01114	Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Rinh, Hải Phú, Hải Hậu, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Kim ck 5 triệu ngày 27/7, ck 3,5 triệu ngày 12/8	8.500.000	4.500.000	1.179.637	383.636		2.436.727
20	26H-00130	Công ty TNHH Đức Hạnh Mộc Châu, TT Nông Trường Mộc Châu, Sơn La	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Hạnh ck 5 triệu ngày 24/7, tiền mặt 1 triệu	6.000.000	4.500.000	599.818			900.182
21	18H-00611	Nguyễn Văn Hoàng, xóm 4, Trục Thái, Trục Ninh, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Kim ck 5 triệu ngày 23/8, ck 3,5 triệu ngày 26/9	8.500.000	4.500.000	1.199.637			2.800.363
22	90H-00711	Nguyễn Văn Tươi (Nguyễn Xuân Tiến), Bạch Thượng, Duy Tiên, Hà Nam	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Nguyễn Bá Nhất ck 2 triệu ngày 9/8, tiền mặt 6 triệu	8.000.000	4.500.000	589.818	354.182	1.200.000 giám sát hành trình	1.356.000
23	17C-15308	Đỗ Tiến Tá, Duyên Hà, Hưng Hà, Thái Bình	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Tá ck 3 triệu ngày 9/8, ck 5,5 triệu ngày 30/8	8.500.000	4.500.000	589.818	354.182	1.200.000 giám sát hành trình	1.856.000
24	17H-00027	Phạm Quang Dự, Tổ 2, Kỳ Bá, thành phố Thái Bình	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở moto xe máy	ck 5 triệu ngày 18/8, tiền mặt 1 triệu	6.000.000	4.500.000	589.818	383.636		526.546
25	90R-00641	Công ty TNHH Quang Khải, Lê Hồng Phong, Phù Lý, Hà Nam	Sơ mi rơ mooc tải có mui thành sơ mi rơ mooc tải chở container	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	589.818	216.727		693.455
26	90R-00739	Công ty TNHH Quang Khải, Lê Hồng Phong, Phù Lý, Hà Nam	Sơ mi rơ mooc tải có mui thành sơ mi rơ mooc tải chở container	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	589.818	216.727		693.455
27	90R-00429	Công ty TNHH Quang Khải, Lê Hồng Phong, Phù Lý, Hà Nam	Sơ mi rơ mooc tải có mui thành sơ mi rơ mooc tải chở container	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	589.818	216.727		693.455

STT	BKS	Chủ xe	Nội dung cải tạo	Hình thức nhận hồi lộ	Số tiền nhận của chủ xe (VNĐ)	Số tiền chuyển Thiện làm hồ sơ (VNĐ)	Phí nghiệm thu (VNĐ)	Phí kiểm định (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Giang hưởng lợi (VNĐ)
28	30P-0768	Nguyễn Văn Quý, Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	Ô tô khách thành ô tô tải van	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	589.818	314.909		595.273
29	17H-00727	Phạm Ngọc Khánh, Thuần Túy, Đông La, Đông Hưng, Thái Bình	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Kim ck 5 triệu ngày 19/8, ck 3 triệu ngày 23/8	8.000.000	4.500.000	589.818	383.636		2.526.546
30	18C-13252	Bùi Văn Long (Đoàn Văn Đà), Nam Mỹ, Nam Trực, Nam Định	Ô tô kéo xe thành ô tô tải có cần cẩu	Đà ck 22 triệu ngày 31/7	22.000.000	17.700.000	589.818	354.182	- 1.200.000 giám sát hành trình	2.156.000
31	18H-01651	Phạm Ngọc Kế, TT Mỹ Lộc, Mỹ Lộc, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải có cần cẩu	Trần Trọng Tùng ck 21,26 triệu ngày 31/8. Tùng lấy 2 triệu tiền mặt	19.260.000	1.000.000	589.818	314.182	- 1.200.000 kiểm định cầu - 3.000.000 đổi đăng ký - 7.000.000 thuế sang tên đổi chủ - 1.200.000 giám sát hành trình - 405.000 phí đường bộ	4.551.000
32	18H-01884	Triệu Văn Tú, Nam Mỹ, Nam Trực, Nam Định	Ô tô kéo xe thành ô tô tải có cần cẩu	Đoàn Văn Đà ck 30 triệu ngày 23/8 trong đó 22 triệu là tiền hồ sơ, Đà lấy 8 triệu tiền mặt	22.000.000	17.700.000	589.818	354.182	- 1.200.000 giám sát hành trình - 1.300.000 phù hiệu	856.000
33	18H-01298	Đặng Thị Oanh (Đới Quốc Tuấn), xóm 18, Phúc Thắng, Nghĩa Hưng, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Kim ck 5 triệu ngày 23/8, ck 3,5 triệu ngày 12/9	8.500.000	4.500.000	1.179.637	383.636		2.436.727
34	18H-01252	Đỗ Viết Biển, xóm 4, Thọ Nghiệp, Xuân Trường, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ có thiết bị nâng hạ	Kim ck 5 triệu ngày 23/8, ck 3,5 triệu ngày 7/9	8.500.000	4.500.000	1.179.637	383.636		2.436.727

STT	BKS	Chủ xe	Nội dung cải tạo	Hình thức nhận hồi lộ	Số tiền nhận của chủ xe (VNĐ)	Số tiền chuyển Thiện làm hồ sơ (VNĐ)	Phí nghiệm thu (VNĐ)	Phí kiểm định (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Giang hưởng lợi (VNĐ)
35	18H-01289	Phạm Văn Tuyên, Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	Ô tô tải có mũi thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ có thiết bị nâng hạ	Đào Xuân Trình ck 8 triệu ngày 22/8	8.000.000	4.500.000	1.179.637	383.636		1.936.727
36	38C-12211	Đặng Văn Nhu, Luu Vĩnh Sơn, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Ô tô tải chở gia súc thành ô tô tải	Nguyễn Trung Thành ck 5 triệu ngày 27/8, ck 4,21 triệu ngày 7/9	9.210.000	4.500.000	589.818	589.818	- 1.200.000 giám sát hành trình - 1.300.000 phù hiệu	1.030.364
37	18H-01180	Vũ Viết Triu, Liên Minh, Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định	Ô tô tải có mũi thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Kim ck ngày 5/9	9.000.000	4.500.000	1.179.637	383.636		2.936.727
38	90H-02095	Nguyễn Văn Hùng, Liêm Cần, Thanh Liêm, Hà Nam	Ô tô tải có mũi thành ô tô tải có cần cầu	Trần Trọng Tùng ck 12,2 triệu ngày 6/10	12.200.000	4.500.000	589.818	354.182	- 1.200.000 kiểm định cầu - 3.000.000 đổi đăng ký - 1.200.000 giám sát hành trình	1.356.000
39	18H-01248	Nguyễn Hải Nam, 21/76 Trần Nhật Duật, thành phố Nam Định	Ô tô tải có mũi thành ô tô tải chở moto xe máy có thiết bị nâng hạ	Kim ck 8 triệu ngày 14/9	8.000.000	4.500.000	589.818	383.636		2.526.546
40	18H-01730	Phùng Gia Lượng, Đại An, Vụ Bản, Nam Định	Ô tô tải thùng kín thành ô tô tải có mũi	Tiền mặt	5.000.000	1.000.000	589.818	354.182		3.056.000
41	23F-00076	Nguyễn Quý Quang, TT Việt Quang, Bắc Quang, Hà Giang	Ô tô khách từ 10 giường thành 16 giường	Sỹ ck 26,4 triệu ngày 27/10	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
42	23F-00165	Nguyễn Quý Quang, TT Việt Quang, Bắc Quang, Hà Giang	Ô tô khách ghế ngồi thành ô tô khách giường nằm	Sỹ ck 9,6 triệu ngày 13/9	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
43	49B-00672	Đoàn Ngọc Tuấn, Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	Ô tô khách từ 43 giường thành 23 giường	Sỹ ck 26,4 triệu ngày 27/10	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
44	17H-01165	Đặng Văn Đạt, Đông Hợp, Đông Hưng, Thái Bình	Ô tô tải có mũi thành ô tô tải chở moto xe máy	Đạt ck 5 triệu ngày 8/9, ck 5 triệu ngày 12/10	10.000.000	4.500.000	589.818	383.636	- 2.500.000 bảo hiểm TNDS - 1.200.000 giám sát hành trình	826.546

STT	BKS	Chủ xe	Nội dung cải tạo	Hình thức nhận hồi lộ	Số tiền nhận của chủ xe (VNĐ)	Số tiền chuyển Thiện làm hồ sơ (VNĐ)	Phí nghiệm thu (VNĐ)	Phí kiểm định (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Giang hưởng lợi (VNĐ)
45	18B-01046	Trần Văn Đình, 143 Nguyễn Trãi, Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định	Ô tô khách thành ô tô tải van	Lê Thị Hồng ck ngày 4/10	6.000.000	1.000.000	933.455	324.727		3.741.818
46	17H-01226	Đặng Xuân Huy, Vũ Hội, Vũ Thư, Thái Bình	Ô tô tải có mũi thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Mai Ngọc Thanh ck 5 triệu ngày 2/10, ck từ Đặng Xuân Huy 3,5 triệu ngày 9/11	8.500.000	4.500.000	589.818	393.455	- 1.200.000 giám sát hành trình - 1.300.000 phù hiệu	516.727
47	18C-04674	Trần Hữu Chuyên, 11/702 Điện Biên, Lộc Hòa, thành phố Nam Định	Ô tô tải tập lái có mũi thành ô tô tải có mũi	Tiền mặt	5.000.000	1.000.000	589.818	364.000		3.046.182
48	18H-00816	Trần Văn Duy, Việt Hùng, Trực Ninh, Nam Định	Ô tô tải thùng kín thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Duy ck 3 triệu ngày 5/10, tiền mặt 6 triệu	9.000.000	4.500.000	589.818	364.000	- 1.200.000 giám sát hành trình - 1.300.000 phù hiệu	1.046.182
49	26F-00239 (29F-01891)	Đào Việt Dũng, TT Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La	Ô tô khách ghế ngồi thành ô tô khách giường nằm	Sỹ ck 26,4 triệu ngày 27/10	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
50	29B-03040	Phí Hồng Ngọc, Đông Hoàng, Đông Hưng, Thái Bình	Ô tô khách thành ô tô tải van	Lê Thị Hồng ck 8 triệu ngày 13/10	8.000.000	4.500.000	933.455			2.566.545
51	18C-06797	Trần Đức Chung, Đại An, Vụ Bản, Nam Định	Ô tô tải thùng kín thành ô tô tải chở pallet chứa cầu kiện điện tử	Chung ck 3 triệu ngày 5/10, ck 5,2 triệu ngày 20/10	8.200.000	4.500.000	589.818	364.000	1.200.000 giám sát hành trình	1.546.182
52	18H-01874 (99C-18061)	Trần Văn Vinh, Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	Ô tô tải có mũi thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Vinh ck 25,8 triệu ngày 28/10	25.800.000	4.500.000	589.818	393.455	17.800.000 thuế và đăng ký xe	2.516.727
53	18C-09801	Phạm Thị Liên (Trần Văn Hùng), Trung Thành, Vụ Bản, Nam Định	Ô tô tải có mũi thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ có thiết bị nâng hạ	Hùng ck 3 triệu ngày 13/10, tiền mặt 5,5 triệu	8.500.000	4.500.000	589.818	393.455	1.200.000 giám sát hành trình	1.816.727
54	29B-19738	Ngô Văn Sơn, Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh	Ô tô khách ghế ngồi thành ô tô khách giường nằm	Sơn ck 5 triệu ngày 13/10, ck 4 triệu ngày 1/11	9.100.000	4.500.000	589.818	324.727	2.900.000 cam hành trình	785.455

STT	BKS	Chủ xe	Nội dung cải tạo	Hình thức nhận hồi lộ	Số tiền nhận của chủ xe (VNĐ)	Số tiền chuyển Thiện làm hồ sơ (VNĐ)	Phí nghiệm thu (VNĐ)	Phí kiểm định (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Giang hưởng lợi (VNĐ)
55	25C-03852	Nguyễn Đức Chiến, Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	Ô tô tải có mui thành ô tô tải có cần cầu	Chiến ck ngày 26/10	15.500.000	4.500.000	589.818	364.000	- 1.500.000 kiểm định cầu - 7.000.000 đổi đăng ký thuế	1.546.182
56	27B-00342	Nguyễn Văn Cương	Ô tô khách giường nằm thành ô tô khách ghế ngồi	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
57	18H-01643	Cù Thị Tuyết (Trịnh Văn Quang), 913 Trần Huy Liệu, Mỹ Xá, thành phố Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải có cần cầu	Quang ck 5 triệu ngày 29/10, ck 6,9 triệu ngày 21/11	11.900.000	1.000.000	589.818	393.455	- 1.500.000 kiểm định cầu - 888.000 phí đường bộ - 1.500.000 giám sát hành trình - 1.400.000 phù hiệu	4.628.727
58	18C-09937 (18H-01675)	Trần Ngọc Trắc, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải có mui có thiết bị nâng hạ hàng	Trắc ck 4 triệu ngày 26/10, tiền mặt 2 triệu	6.000.000	1.000.000	589.818	364.000		4.046.182
59	34B-00354 (18B-02729)	Vũ Văn Thương, Hồng Thuận, Giao Thủy, Nam Định	Ô tô khách thành ô tô tang lễ	Tiền mặt	6.500.000	1.000.000	589.818		2.500.000 đổi đăng ký	2.410.182
60	43F-00230 (23F-00105)	Vũ Thị Hằng, Tổ 2, Trần Phú, thành phố Hà Giang	Ô tô khách ghế ngồi thành ô tô khách giường nằm	Sỹ ck 25,685 triệu ngày 28/11	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
61	51B-00337 (98F-00442)	Phạm Thanh Sơn, Trần Nguyên Hân, thành phố Bắc Giang	Ô tô khách ghế ngồi thành ô tô khách giường nằm	Sỹ ck 25,685 triệu ngày 28/11	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
62	34B-01885	Công ty TNHH KD và DV ĐTTM Sơn Hà, TT Ninh Giang, Ninh Giang, Hải Dương	Ô tô khách ghế ngồi thành ô tô khách giường nằm	Sỹ ck 25,685 triệu ngày 28/11	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
63	34B-01945	Công ty TNHH KD và DV ĐTTM Sơn Hà, TT Ninh Giang, Ninh Giang, Hải Dương	Ô tô khách ghế ngồi thành ô tô khách giường nằm	Sỹ ck 9,5 triệu ngày 18/11	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182

STT	BKS	Chủ xe	Nội dung cải tạo	Hình thức nhận hồi lộ	Số tiền nhận của chủ xe (VNĐ)	Số tiền chuyển Thiện làm hồ sơ (VNĐ)	Phí nghiệm thu (VNĐ)	Phí kiểm định (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Giang hưởng lợi (VNĐ)
64	14B-00215	Trần Văn Hậu, Bảo Đài, Lục Nam, Bắc Giang	Ô tô khách giường nằm thành ô tô khách ghế ngồi	Sỹ ck 7,94 triệu ngày 14/12	6.000.000	4.500.000	589.818			910.182
65	18B-02628	Trần Đình Thiêm, 20 Đoàn Nữ Hải, Cửa Bắc, thành phố Nam Định	Ô tô khách thành ô tô tải van	Thiêm ck 3 triệu ngày 22/11, Nguyễn Thị Huệ ck 3,5 triệu ngày 24/11, Giang trả lại Thiêm 1,5 triệu đôi đăng ký	5.000.000	1.000.000	933.455			3.066.545
66	18H-01614	Trần Duy Khánh, 697 Điện Biên, Lộc Hòa, thành phố Nam Định	Ô tô tải thùng kín thành ô tô tải có cần cẩu	Khánh ck 5 triệu ngày 23/11, ck 6 triệu ngày 1/12	11.000.000	1.000.000	589.818	364.000	- 1.500.000 kiểm định cầu - 3.000.000 đổi đăng ký	4.546.182
67	17C-16822	Đình Tiến Doan, Thương Ngân 1, Văn Lan, Hưng Hà, Thái Bình	Ô tô tải thùng kín thành ô tô tải có mui	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	589.818	364.000		546.182
68	98H-01962	Lê Hoàng Hải, TT Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	Ô tô tải có mui thành ô tô tải có cần cẩu	Hải ck 5 triệu ngày 2/12, tiền mặt 3 triệu	8.000.000	4.500.000	589.818		1.500.000 kiểm định cầu	1.410.182
69	18H-00717	Trần Duy Phương, 64 Vũ Hữu Lợi, Cửa Nam, thành phố Nam Định	Ô tô tải chở pallet chứa cầu kiện điện tử thành ô tô tải có mui	Phương ck 5 triệu ngày 2/12, 3 triệu ngày 14/12	8.000.000	4.500.000	589.818	364.000	1.200.000 giám sát hành trình	1.346.182
70	29C-36708 (18H-01773)	Đỗ Văn Quyết, Yên Bàng, Ý Yên, Nam Định	Ô tô tải chở gia súc có thiết bị nâng hạ thành ô tô tải có mui	Phùng Sỹ Đức ck 5 triệu ngày 6/12, ck 3 triệu ngày 16/12	8.000.000	4.500.000	589.818		1.200.000 giám sát hành trình	1.710.182
72	90H-00295	Trần Ngọc Linh, Ngọc Lũ, Bình Lục, Hà Nam	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở gia súc có thiết bị nâng hạ	tiền mặt	6.000.000	4.500.000	589.818	370.000		540.182

STT	BKS	Chủ xe	Nội dung cải tạo	Hình thức nhận hồi lộ	Số tiền nhận của chủ xe (VNĐ)	Số tiền chuyển Thiện làm hồ sơ (VNĐ)	Phí nghiệm thu (VNĐ)	Phí kiểm định (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Giang hưởng lợi (VNĐ)
72	18B-01857	Công ty CPTMDL và VT Thuận Phát, Giao Hà, Giao Thủy, Nam Định	Ô tô khách từ 34 ghế thành 30 ghế	Ngô Văn Phúc ck 8 triệu ngày 11/12	8.000.000	4.500.000	589.818	364.000	2.000.000 cam hành trình	546.182
73	18H-01354	Công ty CP vận tải Hùng Nhường, Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định	Ô tô tải có mui thành ô tô tải chở pallet chứa gỗ	Kim ck ngày 6/10	21.230.000	4.500.000	1.098.182	383.636	12.040.000 phí đường bộ	3.208.182
TỔNG CỘNG:					630.724.365	337.511.273	49.474.541	17.842.542	111.944.273	113.951.376

III. Hành vi môi giới hồi lộ của Phạm Thị Kim .

Phạm Thị Kim là Nhân viên bán hàng của Công ty TNHH X chuyên kinh doanh xe tải (sau đây viết tắt là Công ty X). K quen biết Vũ Văn G vào khoảng tháng 8/2020 từ khi G làm Đăng kiểm viên Trung tâm đăng kiểm 18-01S đến khi G làm Phó Giám đốc, Đăng kiểm viên Trung tâm đăng kiểm 18-05D. Năm 2022, nhiều khách hàng mua xe của Công ty X có nhu cầu cải tạo xe đã liên hệ, nhờ K làm thủ tục cải tạo xe. K đã nhận tiền của các chủ phương tiện để hoàn thiện, hợp pháp hóa các thủ tục, hồ sơ cải tạo với giá dao động từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng/1 phương tiện. K biết và ý thức được việc muốn thi công cải tạo xe phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, phải đảm bảo đầy đủ thủ tục, hồ sơ và được cơ quan chức năng cho phép mới được cải tạo. Sau khi nhận tiền của các chủ phương tiện, K đã liên hệ, thỏa thuận và chuyển tiền cho G để nhờ G hoàn thiện, hợp pháp hóa các hồ sơ, thủ tục cải tạo xe để xe có thể nghiệm thu, kiểm định, lưu thông được, với giá dao động từ 8 triệu đồng đến 8,5 triệu đồng/1 phương tiện (bao gồm tiền hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cải tạo xe, nghiệm thu, kiểm định tại Trung tâm Đ5). Kim hưởng lợi 31.270.000 đồng từ việc môi giới hồi lộ.

Căn cứ sao kê tài khoản ngân hàng, hồ sơ xe cải tạo thu giữ tại Trung tâm đăng kiểm 18-05D, lời khai các bị cáo, chủ phương tiện xác định: K đã nhận tiền của 11 chủ phương tiện tổng số tiền 144.700.000 đồng. K chuyển cho G 105.230.000 đồng để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cải tạo. Sau khi trừ đi các chi phí khác (tiền bán phụ tùng, bán dung dịch xử lý khí thải) 8.200.000 đồng, K thu lợi

bất chính số tiền **31.270.000 đồng**. Số tiền thu lợi bất chính, K sử dụng chi tiêu cá nhân. Cụ thể như sau:

STT	Biển kiểm soát	Tổng số tiền đã nhận của chủ xe (VNĐ)	Tiền hồ sơ chuyển cho Giang (VNĐ)	Chi phí khác (VNĐ)	Số tiền Kim hưởng lợi (VNĐ)
1	18H-012.48	11.000.000	8.000.000		3.000.000
2	18H-009.10	13.000.000	8.000.000	bán phụ tùng 2.500.000	2.500.000
3	18H-012.98	10.000.000	8.500.000		1.500.000
4	18H-011.14	15.000.000	8.500.000	bán dung dịch xử lý khí thải 3.000.000	3.500.000
5	18H-009.11	13.700.000	8.500.000	bán phụ tùng 2.700.000	2.500.000
6	18H-012.52	12.000.000	8.500.000		3.500.000
7	18H-011.80	14.000.000	9.000.000		5.000.000
8	18H-006.11	11.000.000	8.500.000		2.500.000
9	18H-009.03	12.000.000	8.500.000		3.500.000
10	17H-00727	10.000.000	8.000.000		2.000.000
11	18H-01354	23.000.000	21.230.000		1.770.000
TỔNG CỘNG:		144.700.000	105.230.000	8.200.000	31.270.000

IV. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

1. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Đức T.

Nguyễn Đức T thành lập Công ty D9 mục đích để nhận hợp thức hóa hồ sơ thiết kế, hồ sơ thi công cải tạo xe cơ giới. Các phương tiện do Công ty D9 thiết kế cải tạo đều không trực tiếp kiểm tra thực tế đặc tính kỹ thuật cơ bản của xe cơ giới trước khi cải tạo, không trực tiếp đo vẽ thực tế xe cơ giới trước khi cải tạo để lập “*Bản vẽ bố trí chung*” quy định tại Phụ lục I Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT. Vì vậy 1.096 hồ sơ thiết kế cải tạo của Công ty D9 được Cục Đ9 thẩm định đạt, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo đều không đúng quy định.

Trong thời gian T22 làm tại Công ty D9, do số lượng hồ sơ nhiều, nên T22 vẽ chữ ký của mình bằng phần mềm CAD trên máy tính để T22 sử dụng ký tên

trên các bản vẽ thiết kế tại mục “*Thiết kế*” và mục “*Người vẽ*”. Từ tháng 6/2021 trở đi, T22 nghỉ việc tại Công ty D9, tất cả hồ sơ thiết kế cải tạo của Công ty D9 trong giai đoạn này đều do T vẽ thiết kế. Để hoàn thiện hồ sơ thiết kế cải tạo, T đã tự ý sử dụng chữ ký của Thịnh lưu trên các file do T22 vẽ thiết kế, để tự ký tên Nguyễn Bá T22 trên các Bản vẽ thiết kế tại mục “*Thiết kế*” và mục “*Người vẽ*”.

Để hợp pháp hóa thủ tục khi nghiệm thu xe cải tạo tại các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới, ngoài hồ sơ thiết kế cải tạo, nhiều đối tượng môi giới thỏa thuận, thống nhất, yêu cầu T làm giả hồ sơ thi công cải tạo do Công ty D9 thi công. T đã làm giả hồ sơ thi công cải tạo với danh nghĩa của Công ty D9 thi công bằng cách lập khống các tài liệu gồm: Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo, Bảng kê hệ thống các tổng thành thay thế, Văn bản đề nghị Trung tâm đăng kiểm nghiệm thu xe cơ giới cải tạo với danh nghĩa của Công ty D9. T ký trên hồ sơ thi công cải tạo ở mục “*Lãnh đạo cơ sở thi công*” và tự ký tên Nguyễn Bá T22 bằng cách ký đơn giản, hình nét giống chữ “A” ở mục “*Cán bộ kỹ thuật*” hoặc T sẽ trao đổi với các đối tượng môi giới để trống mục “*Cán bộ kỹ thuật*” để người ở Trung tâm đăng kiểm (đơn vị nghiệm thu xe) dễ ký bắt chước trong quá trình nghiệm thu. Trong khi trên thực tế Công ty D9 không có nhà xưởng, cán bộ công nhân kỹ thuật; không liên kết, hợp tác với cơ sở thi công cải tạo khác và không thực hiện việc thi công cải tạo xe như đã thể hiện trên hồ sơ thi công cải tạo.

Quá trình điều tra xác định: Trong 1096 hồ sơ T làm giả thiết kế có **177 hồ sơ thi công cải tạo giả**, trong đó có 83 hồ sơ G thuê T làm hồ sơ thi công cải tạo giả; 16 hồ sơ H9 thuê T làm hồ sơ thi công cải tạo giả; 78 bộ hồ sơ thi công cải tạo giả do các Cơ quan điều tra các huyện, tỉnh Ủy thác về cụ thể là: tỉnh Hưng Yên là 47 bộ, thành phố Hải Phòng là 12 bộ, thành phố V - Nghệ An là 1 bộ, TX B - Thanh Hóa là 2 bộ, huyện S - tỉnh Quảng Ngãi là 4 bộ, huyện B - Quảng Ngãi là 4 bộ, huyện Q- Bình Định là 1 bộ, Thừa Thiên H19 là 5 bộ, Vĩnh Long là 1 bộ, huyện N - Thanh Hóa là 1 bộ với danh nghĩa Công ty D9 thi công, sử dụng để nghiệm thu trái quy định tại các Trung tâm đăng kiểm trên cả nước (trong đó có 99 hồ sơ tại Trung tâm đăng kiểm 18-05D).

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2021 đến hết năm 2022: T đã nhận số tiền 3.753.945.000 đ từ các chủ phương tiện hoặc các đối tượng môi giới để làm giả 1.096 hồ sơ thiết kế cải tạo của Công ty D9 đã được Cục Đ9 cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Theo quy định, phí thẩm định đối với

1 hồ sơ đạt, được cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo là 350.000 đ. Như vậy: Tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc lập 1.096 hồ sơ thiết kế cải tạo không đúng quy định = Tổng số tiền T nhận làm hồ sơ – Tổng số tiền phí thẩm định đạt theo quy định của nhà nước – Tổng số tiền T đưa hối lộ cho các đăng kiểm viên: 3.753.945.000đ – (1096 hồ sơ x 350.000đ) -1803.000.000đ = 1.567.345.000đ.

Tại cơ quan điều tra T khai nhận: T và G trao đổi, thỏa thuận, G chuyển khoản, đưa tiền mặt cho T tổng số tiền 393.300.000 đồng để hoàn thiện hồ sơ thiết kế, làm giả 83 hồ sơ thi công cải tạo, sau đó G sử dụng nghiệm thu tại Trung tâm đăng kiểm 18-05D, phù hợp với lời khai của G, sao kê tài khoản của các bị cáo và nội dung diễn biến vụ án. T đã chi cho G số tiền 1.500.000 đồng để nhờ G nghiệm thu xe 26F-002.90 tại Trung tâm Đ5.

2. Hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Vũ Văn G:

Vũ Văn G là Phó giám đốc phụ trách trung tâm đăng kiểm 18-05D, sau khi nhận tiền hối lộ từ các chủ phương tiện hoặc các đối tượng môi giới, Vũ Văn G đã thuê Nguyễn Đức T hoàn thiện hồ sơ thiết kế cải tạo và làm giả hồ sơ thi công cải tạo xe. T đã làm giả hồ sơ thi công cải tạo bằng cách lập khống các tài liệu: Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo, bảng kê hệ thống tổng thành thay thế, văn bản đề nghị kiểm tra chất lượng xe cơ giới cải tạo với danh nghĩa công ty D9. Trong khi bản thân G biết rõ trên thực tế công ty D9 không thi công cải tạo các phương tiện xe cơ giới. Sau khi nhận được hồ sơ thi công cải tạo giả do T gửi, G đã sử dụng để nghiệm thu cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo tại Trung tâm Đ5. Quá trình điều tra xác định Vũ Văn G đã thuê T làm giả 83 hồ sơ thi công cải tạo. Sau đó, G sử dụng 83 hồ sơ thi công cải tạo giả để nghiệm thu tại Trung tâm đăng kiểm 18-05D, trong đó có 9 hồ sơ vào tháng 6/2022 giai đoạn trước khi G làm việc tại Trung tâm đăng kiểm 18-05D, 74 hồ sơ vào giai đoạn G làm Phó Giám đốc Trung tâm Đ5.

3. Hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Tô Xuân H

Tô Xuân H là Đăng kiểm viên bậc cao tại Trung tâm Đ7. H là người có chuyên môn, biết và nắm rõ việc thực hiện cải tạo xe cơ giới phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 85/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ G2. H đã nhận tiền của các chủ phương tiện có nhu cầu cải tạo xe với giá dao động từ 7 triệu đồng đến 9 triệu đồng/1 phương tiện tùy theo từng loại xe, nội dung cải tạo, để hoàn thiện, hợp pháp hóa thủ tục, hồ sơ cải tạo cho đến nghiệm thu, kiểm định.

Tuy nhiên, có những mối quan hệ quen biết, H lấy giá thấp hơn hoặc làm hộ. H nhận tiền bằng hình thức tiền mặt hoặc thông qua tài khoản ngân hàng S3 số 0904511235 của mình. H biết Bùi Văn L8 - Phó Giám đốc Công ty TNHH K7 (sau đây viết tắt là Công ty K7), Nguyễn Đức T - Phó Giám đốc Công ty D9 nhận làm hồ sơ thiết kế, thi công xe cơ giới cải tạo. Sau khi nhận tiền của các chủ phương tiện, H đã liên hệ, thỏa thuận, thuê L8 hoặc T với giá 4,5 triệu đồng đến 5 triệu đồng/1 hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ thiết kế, làm giả hồ sơ thi công cải tạo với danh nghĩa của Công ty K7 hoặc Công ty D9. H yêu cầu chủ phương tiện cung cấp hình ảnh xe trước cải tạo, đăng ký, đăng kiểm xe gửi qua zalo để H gửi cho L8 hoặc T làm hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. Sau đó, Hoàng liên L9 với L8, T để lấy thông số cần cải tạo và hướng dẫn chủ phương tiện tự cải tạo xe theo thông số Hoàng cung cấp, có chủ phương tiện đã tự thi công cải tạo trước khi thuê H làm hồ sơ để hợp thức hóa việc cải tạo xe. H thỏa thuận, thống nhất để L8 và T làm giả hồ sơ thi công cải tạo xe bằng cách lập khống các tài liệu: Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo, bảng kê hệ thống tổng thành thay thế, văn bản đề nghị kiểm tra chất lượng xe cơ giới cải tạo với danh nghĩa của Công ty K7 hoặc Công ty D9. Trong khi bản thân H biết rõ trên thực tế các công ty này không thi công cải tạo phương tiện, mà do các chủ phương tiện tự thi công cải tạo, các chủ phương tiện chỉ liên hệ với H, không liên hệ với L8, T, không biết Công ty K7, Công ty D9. Sau khi nhận được hồ sơ thi công cải tạo giả do L8, T gửi, H đã sử dụng trong quá trình nghiệm thu cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo tại Trung tâm Đ5 và Trung tâm Đ11. Bên cạnh đó, khi đưa chủ phương tiện đi nghiệm thu tại Trung tâm đăng kiểm, để hoàn thiện, hợp thức hóa thủ tục nghiệm thu, H còn tự ký tên ở mục “Đại diện cơ sở thi công” trên “Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo” do Trung tâm Đăng kiểm lập trong một số hồ sơ. H trích một phần tiền trong số tiền đã nhận từ các chủ phương tiện để thanh toán tiền làm hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo cho L8 và T bằng cách thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt. Đồng thời, H còn trích một phần tiền trong số tiền đã nhận từ các chủ phương tiện để nộp phí nghiệm thu, phí kiểm định xe, phí đường bộ, mua bảo hiểm dân sự theo quy định của nhà nước. Một số trường hợp do quan hệ quen biết, H trả lại tiền thừa cho chủ phương tiện. Sau khi trừ đi các chi phí, số tiền còn lại Hoàng hưởng lợi cá nhân hết mà không chia cho người khác.

Căn cứ sao kê tài khoản ngân hàng, hồ sơ cải tạo Cơ quan điều tra thu giữ tại Trung tâm đăng kiểm 18-05D, 18-01S, lời khai các bị cáo, chủ phương tiện xác định: Trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2022, H đã thuê L8 làm giả 113 hồ sơ thi công cải tạo của Công ty K7, thuê T làm giả 19 hồ sơ thi công cải tạo của Công ty D9. H đã sử dụng **132 hồ sơ giả** này để nghiệm thu xe cải tạo trái quy định tại Trung tâm Đ5 (49 hồ sơ giả của Công ty K7, 16 hồ sơ giả của Công ty D9) và Trung tâm Đ11 (64 hồ sơ giả của Công ty K7, 3 hồ sơ giả của Công ty D9). Tổng số tiền H đã nhận từ 132 chủ phương tiện là 928.365.000 đồng bằng chuyển khoản hoặc nhận tiền mặt; sau đó thuê L8 hoàn thiện hồ sơ thiết kế, làm giả 113 hồ sơ thi công cải tạo của Công ty K7 với chi phí là 551.200.000 đồng; thuê T hoàn thiện hồ sơ thiết kế, làm giả 19 hồ sơ thi công cải tạo của Công ty D9 với chi phí là 98.000.000 đồng; chi phí nghiệm thu hết 82.610.000 đồng; chi phí kiểm định hết 37.430.000 đồng; nộp phí đường bộ, mua bảo hiểm dân sự và trả lại cho chủ xe 32.815.000 đồng. Sau khi trừ đi các chi phí, số tiền còn lại **126.310.000 đồng** H hưởng lợi cá nhân.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 132 hồ sơ thi công cải tạo giả do H thuê L8, T làm giả nêu trên tại Trung tâm đăng kiểm 18-05D và tại Trung tâm Đ11.

Quá trình điều tra: Khám xét nơi ở của Nguyễn Đức T và Vũ Văn G thu được 01 máy tính xách tay nhãn hiệu lenovo của T; 01 case máy tính màu đen, nhãn hiệu HP của G. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, các tài liệu, vật chứng này.

Tại bản kết luận Giám định số 649/KL – KTHS ngày 3/4/2024 của Phòng K8 Công an tỉnh N kết luận: Phục hồi, trích xuất được dữ liệu trong 01 máy tính xách tay nhãn hiệu lenovo gồm (41779, 4445 thư mục) có tổng 40,1 GB dung lượng dữ liệu, được lưu trong 1 USB, thể hiện việc T thực hiện việc lập hồ sơ thiết kế không đúng quy định, làm giả hồ sơ thi công cải tạo phương tiện xe cơ giới.

Tại bản kết luận Giám định số 1574/KL – KTHS ngày 10/10/2024 của phòng K8 công an tỉnh N kết luận: Phục hồi, trích xuất được dữ liệu các File dạng văn bản, hình ảnh trong 1 case máy tính nhãn hiệu HP gồm 139 file có tổng 65,4 Mb dung lượng dữ liệu, được lưu trong 01 đĩa DVD thể hiện có các file văn bản, hình ảnh có liên quan đến hoạt động nghiệm thu, kiểm định xe cơ giới cải tạo.

Tại bản kết luận giám định số 775/KL – KTHS ngày 22/6/2023 của Phòng K8 Công an tỉnh N kết luận: Chữ ký Tô Xuân H ở mục “Đại diện cơ sở thi công” trên “biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo” trên 7 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo phương tiện xe cơ giới của Công ty K7 được thu giữ tại Trung tâm A2 do Tô Xuân H ký.

Tại Cơ quan điều tra: Nguyễn Đức T, Vũ Văn G, Phạm Thị K, Tô Xuân H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như trên.

Quá trình điều tra xác định: Ông Hoàng Ngọc C8 là giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty CP Đ10 đã giao cho Vũ Văn G phụ trách hoạt động nghiệm thu xe cải tạo nên không biết việc G nhận tiền hối lộ để thực hiện nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo trái quy định của pháp luật. Ông C8 và Công ty cổ phần Đ10 đều không được hưởng lợi ích vật chất gì từ hành vi nhận hối lộ của G.

Tại cơ quan điều tra: Trần Xuân T23 – Phó giám đốc, đảng kiểm viên của Trung tâm đảng kiểm 1 khai nhận: Việc nghiệm thu xe cải tạo do G phụ trách, tiếp nhận hồ sơ. T23 được G giao thực hiện kiểm tra các công đoạn khi nghiệm thu xe cải tạo và thực hiện theo chỉ đạo của G. T23 không biết G nhận tiền hối lộ của các chủ phương tiện để thực hiện nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo trái quy định của pháp luật. G chuyển khoản cho T23 1.500.000đ để nhờ T23 nộp phí nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo cho Nhân viên nghiệp vụ Trần Thị H17 tại Trung tâm A2. Số tiền còn thừa, Thái chuyển lại cho G bằng tiền mặt. T23 không được G chi tiền hay lợi ích vật chất gì khi thực hiện các công đoạn nghiệm thu xe cải tạo và từ hành vi phạm tội của G.

Tổng Đức Hoàng D8 - Đảng kiểm viên khai: Năm 2022, D8 không nghiệm thu xe cải tạo tại Trung tâm A2. D8 không biết việc G nhận tiền hối lộ của Chủ phương tiện để thực hiện nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo trái quy định của pháp luật và không được hưởng lợi vật chất từ G.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã làm việc với các nhân viên còn lại của Trung tâm đảng kiểm 18-05D xác định họ đều không phải là Đảng kiểm viên, không có chuyên môn nghiệm thu, kiểm định xe cơ giới cải tạo và đều không biết việc Vũ Văn G nhận tiền hối lộ để thực hiện nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo tại Trung tâm trái quy định pháp luật cũng như không được hưởng lợi ích vật chất gì từ hành vi nhận hối lộ của G.

Tại cơ quan điều tra: Vũ Tuấn M là Đảng kiểm viên thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh N được phân công phụ trách Trung tâm đảng kiểm 18-02S. Năm

2022, M là đăng kiểm viên 18-02 S, được Sở giao thông vận tải tỉnh N trung tập thẩm định hồ sơ thiết kế cải tạo xe cơ giới. Mạnh xác định đã thẩm định 12 hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo của Công ty D9 do Vũ Văn G nộp trực tiếp cho M. Do mới được trung tập lên Sở Giao thông vận tải tỉnh N để thẩm định hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo, M và G không nắm được việc Sở Giao thông vận tải tỉnh N thu phí thẩm định hồ sơ như thế nào nên G đã chuyển tiền cho M 2 triệu đồng/ 1 hồ sơ để nhờ M nộp hộ phí thẩm định; tổng cộng G đã chuyển cho M 24 triệu/12 bộ hồ sơ thẩm định. Khi biết việc thẩm định hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo tại sở Giao thông vận tải tỉnh N không mất phí, M đã trả lại 24 triệu đồng cho G. Lời khai của M phù hợp với lời khai nhận của Vũ Văn G.

Tại Cơ quan điều tra: Trần Doãn S2 SN 1988 trú tại xã M, huyện M (nay là thành phố N), tỉnh Nam Định, khai nhận: Sỹ là chủ ga ra ô tô H có địa chỉ ở xã L, thành phố N – chuyên sửa chữa, mua bán xe ô tô khách. Năm 2022, S2 có quen với Vũ Văn G trong quá trình đưa xe của khách hàng đi đăng kiểm tại Trung tâm Đ5 thì G có giới thiệu là làm được hồ sơ hoán cải nên khi khách có nhu cầu cải tạo xe đã liên hệ với S2, đồng thời chuyển tiền cho S2 để nhờ G làm thủ tục hồ sơ hoán cải cho họ. Sau đó S2 đã liên hệ với G thỏa thuận thống nhất G sẽ lo toàn bộ thủ tục hồ sơ hoán cải; đóng phí nghiệm thu với giá 6.000.000đ/1 bộ hồ sơ, còn việc thi công cải tạo do T8 thực hiện. Từ tháng 6/2022 đến 11/2022, sau khi nhận tiền từ các chủ phương tiện S2 đã chuyển khoản cho G tổng số tiền 120.955.000đ để G làm thủ tục hồ sơ hoán cải và thi công cải tạo.

Tại cơ quan điều tra: Trần Trọng T8 có xưởng cơ khí có địa chỉ tại C khu công nghiệp H, Thành phố N, tỉnh Nam Định khai nhận: T8 làm nghề sửa chữa lắp đặt cầu cầu nên thường xuyên mua xe tải cũ về để cải tạo lắp đặt cầu sau đó bán kiếm lời. Do có quen biết với Vũ Văn G – Phó giám đốc Trung tâm Đ5 nên đã thỏa thuận nhờ G làm thủ tục trọn gói hồ sơ để nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo. G yêu cầu T8 cung cấp đăng ký, đăng kiểm, hình ảnh xe trước cải tạo cho G. Sau đó G cung cấp thông số kỹ thuật cần cải tạo cho T8 để T8 căn cứ vào đó thi công cải tạo. Khi nào thi công cải tạo xong G sẽ đưa xe đến Trung tâm đăng kiểm 18-05D để đăng kiểm. Từ tháng 6 đến tháng 10/2022 T8 đã chuyển cho G tổng số tiền 116.599.000đ trong đó số tiền 88.599.000đ là tiền T8 làm thủ tục, hồ sơ, nộp các loại phí theo quy định cho 4 xe (trong đó có 02 xe của T8), còn lại số tiền 28.000.000đ T8 nhờ G đổi tiền mặt.

Cơ quan điều tra đã tiến làm việc với các chủ phương tiện xe cơ giới cải tạo xác định do không có chuyên môn đồng thời không biết rõ các quy định pháp luật trong việc thực hiện cải tạo xe cơ giới đường bộ nên họ đã liên hệ và đưa tiền cho các Đăng kiểm viên, người của các Công ty thiết kế, thi công phương tiện xe cơ giới cải tạo hoặc các đối tượng trung gian để làm các thủ tục cải tạo xe theo luật định. Quá trình cải tạo phương tiện xe cơ giới, các chủ phương tiện đã thỏa thuận, đưa tiền và làm theo hướng dẫn của Đăng kiểm V4, người của các Công ty thiết kế, thi công phương tiện xe cơ giới cải tạo, các đối tượng trung gian. Đến khi làm việc với Cơ quan điều tra các chủ phương tiện mới biết việc hợp thức hóa hồ sơ cải tạo xe cơ giới của Đăng kiểm viên, người của các Công ty thiết kế, thi công phương tiện xe cơ giới cải tạo, đối tượng trung gian là không đúng quy định của pháp luật.

**** Vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án:***

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ tại Trung tâm A2: 99 hồ sơ xe cải tạo của Công ty D9, hóa đơn thu phí nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo, biên lai thu phí đường bộ.

01 (một) USB chứa (41779 file, 4445 thư mục) có tổng 40,1 GB dung lượng dữ liệu theo Kết luận giám định số 649/KL-KTHS ngày 03/4/2024 của Phòng K8 Công an tỉnh N.

01 (một) đĩa DVD chứa 139 file có tổng 65,4 MB dung lượng dữ liệu theo Kết luận giám định số 1574/KL-KTHS ngày 10/10/2024 của Phòng K8 Công an tỉnh N.

**** Vật chứng chuyển Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định:***

01 (một) máy tính xách tay, nhãn hiệu Lenovo, Ký hiệu P/N: 59344878, S/N: WB08642738, MO: WB0209280J, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T; 01 (một) case máy tính màu đen, nhãn hiệu HP, mã số: 4CE143D26V HP Inc, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Vũ Văn G.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (không có sim), màu trắng, đã qua sử dụng, tên sản phẩm: Galaxy A33 5G, tên kiểu thiết bị: SM-A336E/DSN, số seri: RFCT42EXGZH, IMEI (khe 1): 353475124733921, IMEI (khe 2): 355814214733920; do ông Trần Văn V3 là chủ phương tiện BKS 18H-018.74 giao nộp cho Cơ quan điều tra.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (không có sim), màu đen, đã qua sử dụng, tên sản phẩm: Galaxy A23, tên kiểu thiết bị: SM-A235F/DS, số

sêri: R58W20M319N, IMEI (khe 1): 354491513387632, IMEI (khe 2): 357022903387630; do ông Nguyễn Văn K1 là chủ phương tiện BKS 18H-011.14 giao nộp cho Cơ quan điều tra.

*** Về dân sự:** Quá trình điều tra, do được các bị cáo tích cực tác động nên gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục 01 phần hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra: gia đình bị cáo Vũ Văn G nộp 107.100.000 đồng; gia đình bị cáo Nguyễn Đức T nộp 100.000.000đ; gia đình bị cáo Phạm Thị Kim N6 31.000.000đ; bị cáo Tô Xuân H cùng gia đình đã nộp 87.000.000đ.

Cáo trạng số: 97/CT-VKS-P3 ngày 27-11-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Nguyễn Đức T về tội "*Đưa hối lộ*" theo khoản 4 Điều 364 và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Truy tố Vũ Văn G về tội "*Nhận hối lộ*" theo điểm c, đ khoản 2 Điều 354 và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Truy tố Phạm Thị K về tội "*Môi giới hối lộ*" theo điểm e khoản 2 Điều 365 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Truy tố Tô Xuân H về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo điểm c khoản 3 Điều 341 BLHS.

Tại phiên toà: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Vũ Văn G, Phạm Thị K, Tô Xuân H đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trình bày luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 4 Điều 364 BLHS và a, c khoản 3 điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù về tội "*Đưa hối lộ*" và 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*"; Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Đức T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 09 năm tù đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm theo điểm c, đ khoản 2 Điều 354, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm

b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Vũ Văn G từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Nhận hối lộ*”, từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt buộc Vũ Văn G phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 365, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 BLHS. Xử phạt Phạm Thị K 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “*Môi giới hối lộ*”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 341, điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58, Điều 65 BLHS. Xử phạt Tô Xuân H 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2021 đến tháng 9/2022, quá trình nộp hồ sơ thẩm định hồ sơ thiết kế cải tạo phương tiện xe cơ giới của Công ty D9 tại

Cục Đ9, Nguyễn Đức T đã đưa hối lộ tổng số tiền 1.803.000.000đ cho các Đăng kiểm viên phòng VAR thuộc Cục Đ9 để các đăng kiểm viên bỏ qua các lỗi vi phạm khi thẩm định 749 hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo. Ngoài ra, theo yêu cầu của các chủ phương tiện xe cơ giới hoặc thông qua các đối tượng môi giới, để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thiết kế, thi công cải tạo phương tiện xe cơ giới. Nguyễn Đức T còn có hành vi làm giả 1096 hồ sơ thiết kế của Công ty D9 để thu lời bất chính tổng số tiền 1.567.345.000đ. Hành vi nêu trên của Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Đưa hối lộ*" theo khoản 4 Điều 364 và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo điểm a, c khoản 3 Điều 341 BLHS

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022, Vũ Văn G là Phó giám đốc Trung tâm Đ5 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đã nhận hối lộ tổng số tiền 113.951.736đ trong đó có 105.230.000đ K đưa cho G từ các chủ sở hữu phương tiện hoặc thông qua các đối tượng môi giới để hợp thức hóa 73 hồ sơ, thủ tục thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới. Ngoài ra, mặc dù biết rõ công ty D9 không thi công cải tạo 83 xe cơ giới do mình thuê hoàn thiện hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo nhưng T vẫn sử dụng 83 hồ sơ thi công cải tạo giả do các công ty này lập ra để nghiệm thu cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của Trung tâm đăng kiểm 18 -05 D cho 83 phương tiện xe cơ giới. Hành vi nêu trên của Vũ Văn G đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Nhận hối lộ*" theo điểm c, đ khoản 2 Điều 354 và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS

Trong năm 2022, Phạm Thị Kim là nhân viên bán hàng của Công ty TNHH X chuyên kinh doanh xe vận tải. K là trung gian đã nhận tiền của 11 chủ phương tiện với tổng số tiền 144.700.000đ sau đó chuyển cho Vũ Văn G – Phó giám đốc Trung tâm Đ5 số tiền 105.230.000đ để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cải tạo xe cơ giới đường bộ. Sau khi trừ đi các chi phí khác với số tiền 8.200.000đ. K đã chiếm hưởng số tiền 31.270.000đ để sử dụng mục đích cá nhân. Hành vi nêu trên của Phạm Thị K đã đủ yếu tố cấu thành "*Môi giới hối lộ*" theo điểm e khoản 2 Điều 365 BLHS

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2022. Tô Xuân H là Đăng kiểm viên của trung tâm đăng kiểm 17-01D. Mặc dù biết công ty K7 và công ty D9 không có chức năng thi công xe cải tạo xe cơ giới, Tô Xuân H đã nhận 132 chủ phương tiện với tổng số tiền 928.365.000đ sau đó thuê Bùi Văn L8 – Phó giám đốc công ty K7 làm giả hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo 113 xe và thuê

Nguyễn Đức T - Phó giám đốc công ty D9 làm giả hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo 19 xe, H đã sử dụng 132 hồ sơ thi công cải tạo xe cơ giới giả để nghiệm thu tại Trung tâm đăng kiểm 18-05D, 18-01S và đã được cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Sau khi trừ đi các chi phí theo quy định thì H được hưởng lợi số tiền 126.310.000đ để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của Tô Xuân H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 3 Điều 341 BLHS

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức T nhiều lần thực hiện hành vi đưa hối lộ cho các Đăng kiểm viên Phòng VAR - Cục Đ9 số tiền từ 2.000.000 đồng trở lên; Các bị cáo Vũ Văn G và Tô Xuân H nhiều lần sử dụng hồ sơ thi công cải tạo phương tiện xe cơ giới giả để nghiệm thu cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Các bị cáo đã tích cực tác động gia đình tự nguyện nộp tổng số tiền 325.100.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tự nguyện sửa chữa,..., khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, Nguyễn Đức T có bố đẻ là ông Nguyễn Hồng Q được Bộ trưởng Bộ N8 và phát triển nông thôn tặng Bằng khen, có bác ruột là ông Nguyễn Ngọc H20 là liệt sỹ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3; Bị cáo Phạm Thị K có con đẻ bị khuyết tật nặng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Bị cáo Tô Xuân H có bố đẻ Tô Hữu Y được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang trong quá trình công tác; bị cáo Vũ Văn G và Tô Xuân H trong quá trình công tác đã đạt thành tích xuất sắc được Giám đốc Sở giao thông vận tải tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở. HĐXX áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo G và bị cáo H; Các bị cáo T, G, K, H đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi, vị trí vai trò và hình phạt của các bị cáo: Hành vi đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ, làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Đức T, Vũ Văn G, Phạm Thị K, Tô Xuân H đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, gây dư luận xấu trong nhân dân.

Bị cáo Nguyễn Đức T là người có chuyên môn và đã nhiều năm làm việc trong lĩnh vực thiết kế cải tạo xe cơ giới, nắm rõ qui định về cải tạo xe cơ giới của Bộ G2 nhưng đã cố tình liên hệ và thỏa thuận về nội dung thiết kế xe cơ giới, thống nhất giá cả theo nội dung cải tạo và nghiệm thu xe cải tạo, thu tiền của những đối tượng môi giới và đưa tiền hối lộ cho các Đảng kiểm viên. Do đó, bị cáo T là người giữ vai trò chính trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn và ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Như vậy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Việc quyết định hình phạt đối với bị cáo T là cần thiết nhưng HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Bị cáo Vũ Văn G đã nhận tiền hối lộ của các chủ phương tiện xe cơ giới cải tạo để hoàn thiện việc nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo trái quy định. Sau khi nhận tiền của các chủ phương tiện hoặc qua các đối tượng môi giới. Hành vi phạm tội của bị cáo G là rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, quá trình khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn và ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 107.100.000 đồng để khắc phục hậu quả. Như vậy, bị cáo G có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Việc quyết định hình phạt đối với bị cáo G là cần thiết nhưng HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Phạm Thị Kim L10 trung gian môi giới nhận tiền của 11 chủ phương tiện với tổng số tiền 144.700.000đ sau đó chuyển cho Vũ Văn G – Phó giám đốc Trung tâm Đ5 số tiền 105.230.000đ để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cải tạo xe cơ giới đường bộ. Bị cáo K đã chiếm hưởng số tiền 31.270.000đ để sử dụng mục

đích cá nhân. Bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm hưởng. Như vậy, bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS và tham gia với vai trò đồng phạm, có con đẻ bị khuyết tật nặng. Việc quyết định hình phạt đối với bị cáo K là cần thiết nhưng HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tạo điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Tô Xuân H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, tham gia với trò đồng phạm, đã khắc phục toàn bộ hậu quả gây ra. HĐXX quyết định hình phạt đối với bị cáo H nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Đức T còn có hành vi làm giả 1096 hồ sơ thiết kế của Công ty D9 để thu lời bất chính tổng số tiền 1.567.345.000đ. Đây là số tiền do phạm tội mà có nên truy thu để nộp vào ngân sách nhà nước. Gia đình bị cáo Nguyễn Đức T đã nộp 100.000.000đ nên được đối trừ, số tiền còn lại là 1.467.345.000 đồng truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Vũ Văn G nhận hồi lộ 113.951.736 đồng trong đó có 105.230.000 đồng Phạm Thị Kim đưa cho Vũ Văn G. Đây là số tiền do phạm tội mà có nên truy thu để nộp vào ngân sách nhà nước. Gia đình bị cáo G đã nộp 107.100.000 đồng nên được đối trừ, số tiền còn lại 6.851.736 đồng truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Phạm Thị Kim môi G1 hồi lộ được hưởng lợi số tiền 31.270.000 đồng. Đây là số tiền do phạm tội mà có nên truy thu để nộp vào ngân sách nhà nước. Gia đình bị cáo Phạm Thị Kim N6 31.000.000đ nên được đối trừ. Số tiền còn lại 270.000 đồng truy thu của bị cáo K để nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Tô Xuân H chiếm hưởng bất chính số tiền 126.310.000 đồng. Bị cáo H đã nộp đủ vào ngân sách nhà nước nên được đối trừ.

[7] Những vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với Nguyễn Thị Thùy L (vợ T) là Giám đốc công ty D9 và Nguyễn Bá T22 là kỹ sư thiết kế của Công ty D9, quá trình điều tra xác định N7 và T22 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Đức T nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với Hoàng Ngọc C8 – Giám đốc Trung tâm Đ5 và Trần Xuân T23, Tổng Đức Hoàng D8 là 02 Đăng kiểm viên của Trung tâm đăng kiểm 18-05D, trong quá trình thực hiện các công đoạn nghiệm thu, kiểm định xe cải tạo thì C8, T23, D8 không biết và không được hưởng lợi ích vật chất từ hành vi nhận hối lộ của Vũ Văn G nên Cơ quan điều tra đều không xem xét, xử lý. Các nhân viên còn lại của Trung tâm đăng kiểm 18-05D, quá trình điều tra xác định không tham gia các bước nghiệm thu xe cải tạo.

Đối với Vũ Tuấn M là Đăng kiểm viên tại 18-02S thuộc Sở G đã thẩm định 12 hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo của công ty D9. Trần Minh Đ4 - Phó giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh N đã ký duyệt Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế đối với 12 hồ sơ. M, Đ4 không được hưởng lợi ích vật chất từ việc thẩm định 12 hồ sơ trên.

Đối với Trần Trọng T8 và Trần Doãn S2 đều là chủ gara ô tô, chuyên thi công, sửa chữa, cải tạo xe; đã nhờ Vũ Văn G hoàn thiện hồ sơ đăng kiểm xe cơ giới cải tạo từ các chủ phương tiện và nhờ G hoàn thiện hồ sơ đăng kiểm cho các phương tiện thi công cải tạo ga ra của mình. T8 và S2 không biết quy định của pháp luật trong việc nghiệm thu, đăng kiểm xe cơ giới cải tạo nên đã đưa tiền để nhờ G làm các thủ tục cải tạo xe theo quy định của pháp luật và không nhận được lợi ích từ G. Căn cứ Thông báo số 196/TB – VKSTC ngày 12/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao về *“Tiêu chí phân loại xử lý các đối tượng trong các vụ án liên quan đến lĩnh vực Đăng kiểm”* nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T8 và S2.

Đối với các chủ phương tiện và các đối tượng trung gian, quá trình điều tra xác định đều không nắm rõ quy định của pháp luật trong việc thực hiện cải tạo xe cơ giới đường bộ nên đã liên hệ và đưa tiền cho các Đăng kiểm viên, người của Công ty T26 để làm các thủ tục cải tạo xe theo quy định của pháp luật đến khi làm việc với Cơ quan điều tra thì các chủ phương tiện, các đối tượng trung gian mới biết việc hợp thức hóa hồ sơ cải tạo xe cơ giới của Đăng kiểm viên, Công ty T26 xe cơ giới cải tạo là không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Thông báo số 196/TB-VKSTC, ngày 12/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về

“Tiêu chí phân loại xử lý các đối tượng trong các vụ án liên quan đến lĩnh vực Đăng kiểm”, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng này.

[8] Xử lý vật chứng:

01 (một) máy tính xách tay, nhãn hiệu Lenovo, Ký hiệu P/N: 59344878, S/N: WB08642738, MO: WB0209280J, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước;

01 (một) case máy tính màu đen, nhãn hiệu HP, mã số: 4CE143D26V HP Inc, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Vũ Văn G liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (không có sim), màu trắng, đã qua sử dụng, tên sản phẩm: Galaxy A33 5G, tên kiểu thiết bị: SM-A336E/DSN, số seri: RFCT42EXGZH, IMEI (khe 1): 353475124733921, IMEI (khe 2): 355814214733920; do ông Trần Văn V3 là chủ phương tiện BKS 18H-018.74 giao nộp cho Cơ quan điều tra. Chiếc điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho ông V3.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (không có sim), màu đen, đã qua sử dụng, tên sản phẩm: Galaxy A23, tên kiểu thiết bị: SM-A235F/DS, số seri: R58W20M319N, IMEI (khe 1): 354491513387632, IMEI (khe 2): 357022903387630; do ông Nguyễn Văn K1 là chủ phương tiện BKS 18H-011.14 giao nộp cho Cơ quan điều tra. Chiếc điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho ông K1.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Đưa hối lộ” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Vũ Văn G phạm tội “Nhận hối lộ” và “Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Phạm Thị K phạm tội “Môi giới hối lộ”; Bị cáo Tô Xuân H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 4 Điều 364; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 BLHS. Xử phạt Nguyễn Đức T 07 (bảy) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng các điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 BLHS. Xử phạt Nguyễn Đức T 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Đức T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024.

2.2 Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 BLHS. Xử phạt Vũ Văn G 02 (hai) năm tù về tội “Nhận hối lộ”;

Áp dụng các điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt Vũ Văn G 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt buộc Vũ Văn G phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2024.

2.3 Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 365; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 BLHS. Xử phạt: Phạm Thị Kim 0 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-8-2024. Căn cứ Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho Phạm Thị K tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2.4 Áp dụng các điểm c khoản 3 Điều 341, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 65 BLHS. Xử phạt Tô Xuân H 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Tô Xuân H đã bị tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến ngày 27/10/2023.

Giao bị cáo Tô Xuân H cho UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Truy thu của Nguyễn Đức T số tiền 1.567.345.000 đồng, được đối trừ đi số tiền 100.000.000 đồng gia đình bị cáo T đã nộp tại Giấy nộp tiền số 10952246 ngày 06/11/2024. Bị cáo Nguyễn Đức T còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.467.345.000 đồng (một tỷ, bốn trăm, sáu mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Truy thu của Vũ Văn G số tiền 113.951.736 đồng, được đối trừ đi số tiền 107.100.000 đồng gia đình bị cáo G đã nộp tại Giấy nộp tiền số 10949364 ngày 04/11/2024. Số tiền còn phải truy thu nộp vào ngân sách nhà nước đối với bị cáo G là 6.851.736 đồng (sáu triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng).

- Truy thu của Phạm Thị Kim số tiền 31.270.000 đồng, được đối trừ đi số tiền 31.000.000 đồng gia đình bị cáo K đã nộp tại Giấy nộp tiền số 10949365 ngày 04/11/2024. Số tiền còn phải truy thu nộp vào ngân sách nhà nước đối với bị cáo K là 270.000 đồng (hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự,

Tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) máy tính xách tay, nhãn hiệu Lenovo, Ký hiệu P/N: 59344878, S/N: WB08642738, MO: WB0209280J, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T; 01 (một) case máy tính màu đen, nhãn hiệu HP, mã số: 4CE143D26V HP Inc, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Vũ Văn G.

Trả lại ông Trần Văn V3 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (không có sim), màu trắng, đã qua sử dụng, tên sản phẩm: Galaxy A33 5G, tên kiểu thiết bị: SM-A336E/DSN, số seri: RFCT42EXGZH, IMEI (khe 1): 353475124733921, IMEI (khe 2): 355814214733920.

Trả lại ông Nguyễn Văn K1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (không có sim), màu đen, đã qua sử dụng, tên sản phẩm: Galaxy A23, tên kiểu thiết bị: SM-A235F/DS, số seri: R58W20M319N, IMEI (khe 1): 354491513387632, IMEI (khe 2): 357022903387630.

(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng số 25/22 ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa Công an tỉnh N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định; Phiếu Ủy nhiệm chi số 39 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công an tỉnh N)

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Vũ Văn G, Phạm Thị K, Tô Xuân H

mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam; Bị cáo.
- Người TGT;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tuấn